**PHẦN I (tiếp theo)**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
|  | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm | 15 ngày làm việc kể từ ngày rà soát | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025.  - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nhgiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo.  - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến (mức 4). | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến (mức 4). |
|  | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm | 15 ngày làm việc kể từ ngày rà soát | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã | Không |
|  | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | 15 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã | Không |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC** |
| 1 | 1.000489 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm | Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 |
| 2 | 1.000506 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm |
| 3 | 2.000602 | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |